

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2025/DS-PT
Ngày: 08/4/2025
Về việc tranh chấp yêu cầu hủy
kết quả bán đấu giá tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Kiến

Ông Phạm Minh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02, ngày 17 tháng 3, ngày 01 tháng 4 và ngày 8 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 421/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo và bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2024/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 641/2024/QĐPT-DS ngày 03/12/2024; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 39/TB-TA ngày 04/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số B, N, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số C (số M), đường T, Tổ A, Khóm B, Phường F, thành phố C,

tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số B, N, Tổ E, Khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Văn T1, Đoàn Luật sư thành phố H – Là Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty L2 tại TP .. Địa chỉ: Số B, N, Phường F, Quận C, TP ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP S3 (S4).

Trụ sở chính: Số B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé H, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Đ;

Địa chỉ chi nhánh: Số E, N, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Bé H ủy quyền lại cho ông Bùi Trung T2, sinh năm 1979; Chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro – Chi nhánh Đ.

2. Phòng C1 tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số A, H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T3; Chức vụ: Trưởng phòng.

3. Ông Trần Trung D1, sinh năm 1955;

4. Bà Võ Thị Kim S1, sinh năm 1958;

5. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1976;

6. Ông Trần Đình T4, sinh năm 1980;

7. Bà Trần Thị Trúc G, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số C, tổ A, Khóm B, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị G, anh T4: Ông Trần Hà Xuân P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số I P, phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

8. Anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Số C, tổ A, Khóm B, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Công ty Đ1.

Địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, phường M, TP ., Đồng Tháp.

Giám đốc: Ông Trần Công L1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 2, đường B, tổ A, khu phố H, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

10. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Địa chỉ: Số B, N, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn D2; Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T5 – Chức vụ: Chi cục phó. Giấy ủy quyền ngày 24/02/2025.

Có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Kim A, Luật sư Nguyễn Văn T1, ông Trần Thanh L, ông Trần Hà Xuân P, ông Nguyễn Trọng T5. Có đơn xin xét xử vắng mặt: Ông Trần Trung D1, bà Võ Thị Kim S1, anh Trần Huỳnh Thanh P1, Phòng công chứng số A tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt: Công ty Đ1, Ngân hàng TMCP S3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh S, là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh trình bày:

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2010/QĐST-DS ngày 19/8/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thì: Bà Võ Thị Kim S1 và ông Trần Trung D1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP P2 (nay là Ngân hàng TMCP S3) số tiền là 165.618.750 đồng và lãi chậm thi hành án.

Ngày 26/8/2010, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án đối với ông D1, bà S1. Chi cục T6 đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1401/QĐ-CCTHA ngày 30/8/2010 và phân công chấp hành viên tổ chức thi hành.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định.

Qua xác minh cho thấy tài sản của ông D1, bà S1 gồm: Quyền sử dụng đất thửa 281, tờ bản đồ số 2, diện tích 174,9m² đất (ODT) và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất và thửa số 1045, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.739.9m² đất (Lúa) cấp cho hộ ông Trần Trung D1.

Theo biên bản giải quyết thi hành án ngày 07/9/2010 đối với ông Trần Trung D1 và bà Võ Thị Kim S1 thì bà S1 trình bày: Hiện nay gia đình gặp khó khăn về kinh tế, sống chủ yếu bằng nghề làm thuê, chỉ chờ vào việc bán nhà và đất trả nợ, xin gia hạn 05 tháng kể từ ngày 07/9/2010 để tự kêu bán nhà.

Ngày 15/10/2010, Chấp hành viên có Công văn số 528/CCTHA gửi anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T4 và chị Trần Thị Trúc G thông báo về việc kê biên tài sản thuộc sở hữu chung, thông báo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo hợp lệ nếu không khởi kiện ra tòa để chia tài sản chung thì sẽ tiến hành kê biên, thông báo được niêm yết tại nhà ông Trần Trung D1 theo quy định.

Ngày 08/11/2010, bà Võ Thị Kim S1 đến Chi cục Thi hành án xin gia hạn 60 ngày để bán nhà và đất trả nợ, nếu qua thời gian trên bà không thực hiện thì đồng ý cho Chi cục Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bán theo quy định.

Do đương sự không tự nguyện thi hành án, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định kê biên tài sản số 60/QĐ-CCTHA ngày 18/7/2011 và Thông báo kê biên tài sản số 248/TB-CCTHA ngày 18/7/2011, khi tổng đạt do chỉ có ông D1 ở nhà đang bị bệnh tai biến không ký nhận được, nên Chấp hành viên niêm yết Quyết định và thông báo kê biên tại nhà ông D1 vào ngày 20/7/2011.

Ngày 03/8/2011, Hội đồng cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản của ông D1, bà S1 gồm: Quyền sử dụng đất thửa 281, tờ bản đồ số 2, diện tích 174,9m² đất (ODT) và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất cấp cho hộ ông Trần Trung D1.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 27/10/2011 của Công ty cổ phần T7 thì tổng giá trị tài sản kê biên là 589.516.000 đồng (trong đó, quyền sử dụng đất là 374.286.000 đồng, nhà là 214.605.000 đồng và cây trồng trên đất là 625.000 đồng) và đã tổng đạt chứng thư thẩm định giá cho ông D1, bà S1 vào ngày 08/11/2011 (bà S1 ký nhận).

Ngày 18/11/2011, Chấp hành viên đã ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Công ty TNHH Đ1 để bán đấu giá tài sản trên với giá khởi điểm là 589.516.000 đồng.

Do không có người đăng ký tham gia đấu giá, qua 08 lần giảm giá, giá trị tài sản kê biên của ông D1, bà S1 còn lại là 281.963.000 đồng.

Ngày 11/3/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 thông báo bán đấu giá tài sản của ông D1, bà S1 với giá khởi điểm là 281.963.000 đồng, có 02 người đăng ký tham gia đấu giá là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim C, cùng ngụ tại phường F, thành phố C.

Ngày 22/4/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1, tổ chức bán đấu giá tài sản của ông Trần Trung D1 và bà Võ Thị Kim S1.

Kết quả, ông Nguyễn Văn T đã trúng đấu giá với mức giá là: 290.963.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn). Theo hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 và biên bản bán đấu giá ngày 22/4/2013 của Công ty TNHH Đ1.

Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền 290.963.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn).

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thi hành án và bán đấu giá có một số sai sót nên cho đến nay chưa giao được tài sản trúng đấu giá cho ông T. Các sai sót đó là: Chấp hành viên có thiếu sót khi chưa thực hiện việc thông báo cho người được thi hành án yêu cầu Tòa án có thẩm quyền phân chia tài sản của người phải thi hành án với các thành viên khác trong hộ gia đình ông D1, không tổ chức cho các bên đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thỏa thuận về giá trước khi ký hợp đồng thẩm định giá. Chấp hành viên đã vi phạm Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

Các anh, chị: L, T4, G con ông D1, bà S1 khiếu nại Chi cục Thi hành án thành phố C không cho họ quyền ưu tiên mua lại tài sản chung hộ gia đình. Đồng thời, đã khởi kiện ra Tòa án tranh chấp phân chia tài sản chung. Kết quả: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thụ lý giải quyết bằng việc dân sự, chia cho mỗi người được 1/5 diện tích đất nêu trên (*theo Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 12/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh*).

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh có Quyết định số 68/QĐ-VKS ngày 30 tháng 05 năm 2022 kháng nghị Quyết định giao tài sản số 02/QĐ-CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố về việc giao tài sản cho người mua trúng đấu giá.

Có sai sót về ngày, tháng công chứng trong hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, cụ thể: Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 của Công ty TNHH Đ1, nhưng Phòng công chứng lại ghi chứng nhận vào ngày 08/3/2013.

Nay nguyên đơn yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá theo Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 đối với người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Văn T và Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T để trả lại tài sản cho hộ ông Trần Trung D1 và bà Võ Thị Kim S1 (Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S trình bày do đơn khởi kiện ghi nhầm hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 được ký giữa Công ty TNHH

Đ1 với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh); Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản khi công chứng, chứng nhận hợp đồng vào sổ công chứng có sai sót về thời gian.

Hậu quả pháp lý:

- Theo đơn khởi kiện trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố sẽ hoàn trả lại cho ông T tiền mua tài sản bán đấu giá đã nộp 290.963.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn).

Các cá nhân, tổ chức có lỗi dẫn đến làm cho hợp đồng vô hiệu cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông T theo quy định, cụ thể: bồi thường cho ông T tiền lãi suất theo quy định của Nhà nước từ khi ông T nộp tiền mua trúng đấu giá cho đến nay.

- Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông S trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nào khác liên đới bồi thường, nếu sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác. Đối với phần bồi thường thiệt hại theo tiền lãi suất là tính theo quy định của Nhà nước 10%/năm. Ngoài ra, thống nhất ông T được quyền nhận tiền lãi suất phát sinh từ số tiền đấu giá hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đang gửi tại Ngân hàng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông T cho rằng Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của ông T là “*bị đơn*” trong vụ án này là chưa đúng với Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, bởi lẽ: Giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C và ông T không phát sinh giao dịch dân sự. Công ty TNHH Đ1 (Công ty Đ1) là đại diện theo ủy quyền cho Chi cục thi hành án Thành phố Cao Lãnh (Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản ký kết ngày 07/03/2011) để thực hiện việc bán đấu giá tài sản kê biên của ông Trần Trung D1 và bà Võ Thị Kim S1 để thi hành án. Sau khi nhận ủy quyền của Chi cục THA TPCL, Công ty Đ1 đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật để bán đấu giá tài sản nêu trên. Kết thúc phiên đấu giá thành đã lập biên bản về việc bán tài sản, thực hiện việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 15/2013/HĐMBTSDG-DPAC ngày 22/04/2013 giữa ông T và công ty Đ1 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định, được Công chứng viên Phòng C2 tỉnh Đồng Tháp chứng nhận. Ông T đã nộp đủ tiền mua tài sản nêu trên.

Ông T là người mua tài sản đấu giá theo đúng quy định pháp luật, sau khi giao kết hợp đồng đã trả tiền và thực hiện theo đúng thỏa thuận của hợp đồng, nhưng đến nay vẫn chưa được Công ty Đ1 giao tài sản theo thỏa thuận. Kể từ năm 2013 đến nay, ông T đã nhiều lần có đơn yêu cầu được giao tài sản trúng đấu giá. Tuy nhiên, do phát sinh khiếu kiện, khiếu nại của người phải thi hành án, nên việc bàn giao tài sản trúng đấu giá cho ông T đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Hiện nay bản thân ông T và gia đình ông mới là người có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm chứ không phải Ông xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh S – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự TP. Cao Lãnh.

Về Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S – Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

+ Căn cứ: Khoản 2 Điều 102 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực ngày 01/7/2015) quy định: *“Người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản”*;

Tài liệu chứng cứ mà ông Nguyễn Thanh S giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện đủ các thủ tục về bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật, phiên đấu giá công khai có sự tham gia giám sát trực tiếp của Chấp hành viên là ông Nguyễn Thanh S, Công chứng viên Lê Hùng A1. Quá trình bán đấu giá không có vi phạm, trong các tài liệu chứng cứ ông Nguyễn Thanh S cung cấp cho Tòa án không có tài liệu nào chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản. Mà căn cứ Điều 172 Luật thi hành án dân sự, Khoản 3 điều 56 Nghị định 17 thì chỉ hủy kết quả bán đấu giá trong trường hợp có vi phạm không thực hiện quy định về việc niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản.

Đề nghị bồi thường trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và tổn thất tinh thần, tổn thất kinh tế....

Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị không hòa giải ngày 20/3/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày xin rút lại yêu cầu bồi thường nếu trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng đề nghị Tòa án xác định quyền khởi kiện của ông T trong vụ án khác, căn cứ để bồi thường cho ông T theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước hay Bộ luật dân sự.

Ngoài ra căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015, Điều 70, Điều 72, Điều 184, Điều 185, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trung D1, bà Võ Thị Kim S1, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T4, chị Trần Thị Trúc G, anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1 trình bày:* Thống nhất việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản của nguyên đơn. Lí do: Chấp hành viên đã có nhiều sai phạm trong quá trình kê biên bán đấu giá tài sản.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng S4 trình bày:*

Ông D1, bà S1 đang có dư nợ vay và đã quá hạn tại S4 – Chi nhánh Đ theo Hợp đồng tín dụng số 0403/12/08NN/HĐTD ngày 25/12/2008. Ông D1, bà S1 đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0403/12/08NN/HĐTC ngày 25/12/2008. Ngân hàng yêu cầu xử lý đúng quy định, khi xử lý tài sản thế chấp thì ưu tiên trả nợ cho Ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng C2 trình bày:* Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 15/2013/HĐMBTSDG-DPAC ngày 22/4/2013 của Công ty TNHH Đ1, Phòng C2 chứng nhận số 1907, quyển số 04 ngày 24/4/2013, không phải chứng nhận ngày 08/3/2013 (số, quyển số và ngày chứng nhận được viết tay). Hợp đồng do Công ty Đ1 đánh máy (Hợp đồng ký ngày 22/4/2013 nhưng Công ty Đ1 đánh máy ngày 08/3/2013; Khi công chứng, Công chứng viên sơ ý không phát hiện đánh máy sai ngày ký hợp đồng). Việc đánh máy sai ngày ký kết hợp đồng tại lời chứng không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ các bên trong hợp đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh trình bày:*

Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật (theo nội dung đơn khởi kiện), Chi cục Thi hành án dân sự thành phố không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) và ông Nguyễn Văn T.

2. Giữ nguyên kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) và ông Nguyễn Văn T theo biên bản bán đấu giá ngày 22/4/2013; Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh phải tiếp tục thực hiện việc bàn giao tài sản đấu giá cho ông Nguyễn Văn T theo đúng quy định của pháp luật đấu giá tài sản, pháp luật thi hành án dân sự.

3. Xác định lỗi thuộc về Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh để làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh S, Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh không phải nộp tiền án phí, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số 0012034 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2024, ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Trần Huỳnh Thanh P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận việc hủy kết quả đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 với ông T.

Ngày 08/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh có quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh như sau: Về tư cách tham gia tố tụng Công ty Đ1 là bị đơn, ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy kết quả bán đấu giá của Công ty Đ1 với ông Nguyễn Văn T, chấp nhận kháng cáo của hộ ông Trần Trung D1 gồm bà Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Trần Thanh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Trần Hà Xuân P trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 kết luận: "... Công ty Đ1 ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 15/2013/HĐMBTSDG-DPAC với ông Nguyễn Văn T nhưng không có ý kiến

của những chủ sở hữu chung là vi phạm điều cấm của pháp luật do vậy hợp đồng này bị vô hiệu...” Sau đó bản án bị cấp phúc thẩm hủy do qui phạm tố tụng chứ không phải sai về mặt nội dung. Đúng ra tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng theo bản án này về mặt nội dung mới đúng.

Bản án dân sự sơ thẩm không xem xét bằng chứng do người liên quan cung cấp chứng minh sai phạm của Công ty TNHH Đ1 là Công ty này bán tài sản chung của hộ ông D1, không có sự đồng ý của hộ ông D1 đã vi phạm Điều 456 Luật Dân sự 2005.

Mặt khác về phía Công ty TNHH Đ1 thì cũng không xuất trình được bằng chứng để chứng minh rằng mình bán tài sản chung đã có sự đồng ý hộ ông D1. Đồng thời sau nhiều lần giảm giá phía hộ của ông D1 cũng không nhận được quyết định giám giá. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của hộ ông D1.

Tòa sơ thẩm lấy Thông báo số 15/TB-TCTHADS ngày 18/01/2016 và Thông báo số 319/ TB-TCTHADS ngày 14/10/2016 của Tổng cục Thi hành án dân sự xác định quá trình tổ chức đấu giá tài sản không sai phạm để làm căn cứ kết luận xét xử vụ án là không đúng. Vì Tổng cục Thi hành án dân sự đâu có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì mà lại kết luận quá trình bán đấu giá đúng hay sai. Mà đó phải là của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp mới đúng theo quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 về bán đấu giá tài sản.

Về Công chứng viên biết Công ty bán đấu giá đem ra bán tài sản chung của hộ ông D1 mà vẫn ký công chứng Hợp đồng mua bán với ông T là vi phạm Điều 456 Luật dân sự năm 2005. Tình tiết này không được Tòa sơ thẩm xem xét để giải quyết vụ án là không khách quan và không toàn diện. Bởi vi phạm của Công chứng viên có yếu tố chủ quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ tài sản.

Tòa sơ thẩm xét xử vượt quá thẩm quyền. Bởi vì trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu khởi kiện (yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập) buộc Chi cục Thi hành án dân sự giao tài sản bán đấu giá cho ông T giao tài sản bán đấu giá cho ông T (là bị đơn). Vậy mà Tòa sơ thẩm tuyên buộc Chi cục Thi hành án dân sự phải giao tài sản bán đấu giá cho ông T.

Từ những căn cứ trên chị G, anh T4 yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của anh T4, chị G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng xác định tài sản tranh chấp trong vụ án này là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất.

Thứ nhất, nguồn gốc QSDĐ là do ông bà tổ tiên, cha mẹ của ông D1, bà S1 để lại từ trước đến nay chứ không phải công sức đóng góp của thành viên trong hộ, tại phần hỏi thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng xác định việc thế chấp tài sản trên cho ngân hàng M là để chữa bệnh cho ông D1. Việc mang tài sản lớn đi thế chấp để vay tiền chữa bệnh thì đương nhiên các thành viên trong hộ gia đình phải biết nội dung này, mà họ cũng không có ý kiến gì khi thế chấp. Trong quá trình giải quyết việc vay nợ, có nhiều biên bản thỏa thuận giữ hộ ông D1 bà S1 với ngân hàng, chấp nhận khoản trả nợ đó. Sau đó, ông D1 bà S1 không thực hiện thì chấp hành viên mới tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản.

Về yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Trung D1, bà Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, bà Trần Thị Trúc G, anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 73/2024/DS-ST, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận việc hủy kết quả đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 với ông T.

Căn cứ: Điều 102 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định “*Người mua được tài sản bán đấu giá, Chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá tài sản*”. (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này không có yêu cầu độc lập mà chỉ có quyền lợi khi giải quyết vụ án nên căn cứ theo khoản 3 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự thì có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 71, tuy nhiên trong vụ án này ngoài nguyên đơn là chấp hành viên có quyền khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ra thì những người khác không có quyền). Do đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này ông D1, bà S1, ông L, ông T4, bà G và anh P1 không có quyền yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa ông T và Công ty Đ1.

Mặt khác, Tại phiên tòa ông S cũng đã nhiều lần khẳng định việc bán đấu giá tài sản không có sai sót và ông đã chấp nhận đối với quyết định của Bản án sơ thẩm. Ngoài ra, ngày 05/8/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh đã có Văn bản ý kiến số 335/VB-CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ về việc, không thống nhất với Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tại phiên tòa đại diện chi cục thi hành án thành phố Cao Lãnh và chấp hành viên thừa nhận trong quá trình bán đấu giá tài sản không có tiêu cực không có hành vi vi phạm pháp luật. Căn cứ Điều 102 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014), Điều 72 Luật đấu giá tài sản 2016, Điều 309 BLTTDS 2015 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, tôi cho rằng ông D1, bà S1, ông L, ông T4, bà G và anh P1 kháng cáo yêu cầu tòa án “*Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận việc Hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 và ông T*” là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị TAND tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng “Hủy Bản án sơ thẩm”. Tại phiên tòa phúc thẩm thì đại diện Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị có thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng “Sửa bản án sơ thẩm, đề nghị hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 và ông T”. Nhận thấy Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS và quan điểm đại diện Viện kiểm sát là không hợp pháp và không có căn cứ pháp lý. Thứ nhất, Viện kiểm sát ban hành kháng nghị và đại diện Viện kiểm sát là chưa xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ. Nội dung kháng nghị bác bỏ toàn bộ các ý kiến chỉ đạo về nghiệp vụ của các cơ quan cấp trên như: Đại diện Vụ 11 Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục hỗ trợ tư pháp, Vụ pháp luật dân sự - kinh tế Các đơn vị thuộc tổng C3 như Vụ nghiệp vụ 1 Vụ nghiệp vụ 2, Vụ nghiệp vụ 3, Vụ nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo thể hiện tại “Thông báo số 15/TB-TCTHADS và Thông báo số 319/TB-TCTHADS”. Kháng nghị của Viện kiểm sát chỉ xem xét bảo vệ lợi cho người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan là hộ gia đình nhà ông D1, bà S1 mà không hề xem xét đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T là người mua tài sản đấu giá hợp pháp ngay tình. Đề nghị HĐXX xem xét quyết định kháng nghị này.

Về tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS cho rằng, Công ty Đ1 là người xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, thì Công ty Đ1 phải là bị đơn trong vụ án nhận định này là không có căn cứ. Bởi tại phiên tòa chấp hành viên khẳng định công ty Đ1 không xâm phạm quyền lợi ích của ông. Thực hiện đúng công việc theo nội dung ủy quyền bán đấu giá tài sản ký kết ngày 13/02/2012. Công ty Đ1 là đại diện theo ủy quyền cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh (Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản ký kết ngày 13/02/2012) để thực hiện việc bán đấu giá tài sản kê biên của ông Trần Trung D1 và bà Võ Thị Kim S1 nhằm thi hành án. Sau khi nhận ủy quyền, Công ty Đ1 đã thực hiện đầy đủ các thủ tục bán đấu giá theo quy định và được Tổng cục Thi hành án dân sự xác định quá trình tổ chức bán đấu giá tài sản không có sai phạm tại Thông báo số 15/TB-TCTHADS ngày 18/01/2016, Thông báo 319/TB-TCTHADS ngày 14/10/2016. Do đó, Công ty Đ1 đã nhân danh Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi được ủy quyền về việc tổ chức bán đấu giá tài sản mà không hề xâm phạm đến bất cứ quyền và lợi ích của ông S – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh nên không thể xác định Công ty Đ1 cùng là bị đơn trong vụ này.

Về nội dung kháng nghị: *Tại phiên Tòa HĐXX cho tạm dừng phiên tòa theo Yêu cầu của ông S để ông soạn cung cấp các quyết định giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 15/TB-TCTHADS và Thông báo số 319/TB-TCTHADS xác định quá trình bán đấu giá tài sản không có sai phạm Tuy nhiên, Ông S không cung cấp được vì cho rằng Công ty Đ1 hiện không còn hoạt động nên không cung cấp được.*

Thứ hai, “Khi nhận tài sản đưa ra bán đấu giá, Công ty Đ1 không tiến hành kiểm tra thông tin, nguồn gốc, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cấp

cho hộ hay cá nhân do Chi cục T cung cấp là chưa đúng theo khoản 3 Điều 26 Nghị định 17/2010...”. Theo đó, trường hợp trên thì không thuộc trường hợp hủy kết quả bán đấu giá tài sản theo Điều 48 Nghị định 17/2010.

Thứ ba, “... Công ty Đ1 không thực hiện niêm yết thông báo về việc bán đấu giá tài sản tại nơi tổ chức bán đấu giá, nơi có BĐS và UBND phường theo quy định tại Điều 28 Nghị định 17/2010... Đối với lần ký hợp đồng cuối ngày 07/3/2013 Công ty Đ1 thực hiện thông báo công khai và có niêm yết nhưng không thể hiện cụ thể nơi niêm yết là UBND phường 6 hay niêm yết tại nơi có BĐS...” Nội dung này đã được VKSND tỉnh Đồng Tháp trả lời thỉnh thị kiểm sát THADS thông qua Công văn số 273/VKS-P11 ngày 30/3/2016 như sau: “... Qua nghiên cứu hồ sơ trong 07 lần giảm giá, thì bán đấu giá lần 08 có niêm yết thông báo bán đấu giá tài sản theo đúng quy định và ông Nguyễn Văn T là người trúng đấu giá mua tài sản. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi của người mua được tài sản bán đấu giá phải tổ chức giao tài sản cho ông T theo quy định tại Điều 103 Luật THADS 2014...”

Tại thời điểm ông T tham gia đấu giá và trúng đấu giá tài sản, ông T không thể biết được quá trình bán đấu giá tài sản được Chi cục T và Công ty Đ1 thực hiện như thế nào, ông T đã thực hiện đúng nghĩa vụ Hợp đồng bán đấu giá tài sản và nộp đầy đủ tiền nên ông vẫn phải được bàn giao tài sản theo Điều 103 Luật THADS 2014.

Thứ tư, “Đối với số tiền lãi phát sinh sau khi ông T đã nộp tiền khi trúng đấu giá tài sản (290.963.000 đồng). Nguyên đơn thực hiện sai trình tự thủ tục THA dẫn đến không giao tài sản cho ông T thì đó là lợi tức từ tiền ông T nộp, không phải là bồi thường thiệt hại...” Nhận định trên là không đầy đủ, trường hợp, ông T không nhận được tài sản trúng đấu giá thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh phải trả lại số tiền mà ông T đã nộp khi trúng đấu giá và tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm từ khi nộp cho đến nay. Ngoài ra, Chi cục Thi hành án dân sự phải bồi thường thiệt hại cho ông T theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do quá trình tổ chức thi hành án của ông S - Chấp hành viên có sai sót như bồi thường tổn thất về tinh thần trong suốt thời gian chờ bàn

giao tài sản, bồi thường thất thoát kinh tế do không thể sử dụng, quản lý tài sản trúng đấu giá, bồi thường chi phí đi lại, phát sinh khác trong quá trình yêu cầu bàn giao tài sản trúng đấu giá, tham gia tranh chấp tại tòa án và các cơ quan nhà nước khác... Về vấn đề này, phải giành cho ông T quyền khởi kiện đối với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh trong một vụ án khác để yêu cầu bồi thường cho ông T theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Xét kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, anh Trần Đình T4, chị Trần Thị Trúc G và anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1 về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 và ông Nguyễn Văn T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng - Viện KSND thành phố C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27/6/2024 của TAND thành phố Cao Lãnh về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm của thành phố Cao Lãnh theo hướng:

Thay đổi tư cách tham gia tổ tụng và Hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 và ông Nguyễn Văn T. Nhận thấy;

Về thủ tục tổ tụng:

Tòa án sơ thẩm xác định Công ty Đ1 tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án là chưa phù hợp. Bởi lẽ, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh khởi kiện yêu cầu: Hủy kết quả bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013; Hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 (nay là Công ty Đ1) với ông Nguyễn Văn T ngày 08/4/2013. Như vậy, đối tượng khởi kiện đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm của Công ty Đ1, còn ông Nguyễn Văn T chỉ là người bị ảnh hưởng từ việc yêu cầu khởi kiện của chấp hành viên. Do đó, xác định Công ty Đ1 bị đơn, còn ông tẩn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết:

Bản án sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản quy định về huỷ kết quả bán đấu giá tài sản:

1. Kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ trong các trường hợp sau đây:

c) Kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định này"

Tại khoản 3 Điều 56 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ quy định:

3. Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả "hủy kết quả bán đấu giá tài sản" đối với các hành vi vi phạm hành chính "không thực hiện quy định về việc niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp"

Tại Điều 4 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ quy định: "Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người mua được tài sản bán đấu giá".

1. Quyền, lợi ích hợp pháp của người mua được tài sản bán đấu giá được pháp luật bảo vệ. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi nhiệm vụ,

quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người mua được tài sản bán đấu giá.

2. Trong trường hợp có người thứ ba tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đã bán đấu giá thì việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản đó được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Trong trường hợp có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sửa đổi một phần hoặc huỷ bỏ toàn bộ các quyết định liên quan đến tài sản bán đấu giá do có vi phạm pháp luật trước khi tài sản được đưa ra bán đấu giá nhưng trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản đó bảo đảm tuân theo đầy đủ quy định của pháp luật thì tài sản đó vẫn thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người mua được tài sản bán đấu giá.

Tổ chức, cá nhân có lỗi gây ra thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật"

Căn cứ Thông báo số 15/TB-TCTHADS ngày 18/01/2016, Thông báo 319/TB-TCTHADS ngày 14/10/2016 của Tổng cục Thi hành án dân sự xác định quá trình tổ chức bán đấu giá tài sản không có sai phạm.

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào các quy định nêu trên để bảo vệ quyền lợi của người mua trúng đấu giá tài sản là người thứ 3 ngay tình theo quy định tại Điều 258 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 4 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, cần tiếp tục giao tài sản trúng đấu giá cho người mua trúng đấu giá là ông T, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu huỷ kết quả bán đấu giá tài sản không có cơ sở để chấp nhận. Nhận định này của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bởi lẽ:

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông S cung cấp có “*Hồ sơ bán đấu giá tài sản của hộ ông Trần Trung D1*”. Theo hồ sơ bán đấu giá tài sản của hộ ông Trần Trung D1 thể hiện: Về trình tự thủ tục bán đấu giá tài sản không đúng theo quy định tại Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản (Nghị định 17). Cụ thể: Khi nhận tài sản đưa ra bán đấu giá, Công ty TNHH Đ1 không tiến hành kiểm tra thông tin về nguồn gốc, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cấp cho hộ hay cá nhân do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh cung cấp là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định 17 nên tiến hành bán đấu giá tài sản trên, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ; Đưa tài sản hộ ra bán

đấu giá khi chưa có sự đồng ý của các chủ sở hữu chung theo Điều 456 Bộ luật Dân sự năm 2005 là trái quy định.

Tại khoản 3 Điều 26 quy định:

3. Tổ chức bán đấu giá tài sản có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của các thông tin về nguồn gốc tài sản, quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản do người có tài sản bán đấu giá cung cấp.

- Thể hiện việc tổ chức bán đấu giá tài sản thì thủ tục niêm yết, thông báo công khai bán đấu giá là thủ tục bắt buộc phải thực hiện trước khi mở cuộc bán đấu giá. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng bán đấu giá lần đầu tiên vào ngày 08/11/2011, lần thứ hai ngày 13/02/2012 và các phụ lục của hợp đồng (ký phụ lục 05 lần) với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Công ty TNHH Đ1 không thực hiện niêm yết thông báo về việc bán đấu giá tài sản tại nơi tổ chức bán đấu giá, nơi có bất động sản và Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại Điều 28 Nghị định 17 mà chỉ tiến hành thông báo công khai trên báo Đ2. Đối với lần ký hợp đồng cuối ngày 07/3/2013 Công ty TNHH Đ1 thực hiện thông báo công khai và có niêm yết nhưng không thể hiện cụ thể nơi niêm yết là Ủy ban nhân dân Phường F hay niêm yết tại nơi có bất động sản, tại biên bản niêm yết có xác nhận của chính quyền địa phương. Tại nơi bán đấu giá tài sản không có tài liệu thể hiện có niêm yết.

Tại Điều 28 Nghị định 17 quy định:

Niem yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản: Đối với bất động sản, tổ chức bán đấu giá tài sản phải niêm yết việc bán đấu giá tài sản tại nơi bán đấu giá, nơi có bất động sản bán đấu giá và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản bán đấu giá chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh thực hiện sai trình tự thủ tục thi hành án dẫn đến không giao tài sản cho ông T nên số tiền lãi phát sinh từ khi ông T đã nộp khi trúng đấu giá tài sản là 290.963.000đ ông T được nhận là phù hợp.

Mặc dù, Bản án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng xét thấy vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và có thể khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

- Thay đổi địa vị tổ tụng và Hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T ngày 22/4/2013;

- Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số ngày 22/4/2013 giữa Công ty Đ1 với ông Nguyễn Văn T là đảm bảo giải quyết vụ án.

Từ nội dung, phân tích nêu trên, nhận thấy. Kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, anh Trần Đình T4, chị Trần Thị Trúc G, anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1 và Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng - Viện KSND thành phố C là có căn cứ.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, anh Trần Đình T4, chị Trần Thị Trúc G, anh Trần Trần Huỳnh Thanh P1;

- Chấp nhận Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện KSND thành phố C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27/6/2024 của TAND thành phố Cao Lãnh theo hướng:

- Xác định Công ty Đ1 bị đơn; xác định ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

- Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số ngày 22/4/2013 giữa Công ty Đ1 với ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, trình bày của Luật sư và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Trung D1, bà Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên kháng cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh kháng nghị trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 280, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Trần Trung D1, bà Võ Thị Kim S1, Trần Thanh L, Trần Đình

T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1 kháng cáo yêu cầu:

Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận việc hủy kết quả đấu giá tài sản giữa Công ty Đ1 với ông Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Thanh S – Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh thừa nhận, Chấp hành viên đã vi phạm Điều 74 Luật Thi hành án dân sự khi chưa thực hiện việc thông báo cho người được thi hành án yêu cầu Tòa án có thẩm quyền phân chia tài sản của người phải thi hành án với các thành viên khác trong hộ gia đình ông D1, bà S1; Không thông báo cho các chủ sở hữu chung về quyền ưu tiên mua tài sản; Không tổ chức cho các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thỏa thuận về giá trước khi ký hợp đồng thẩm định giá nên yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản. Do đó xác định lỗi là của Chấp hành viên nên dẫn đến việc không giao tài sản trúng đấu giá cho ông Nguyễn Văn T từ 2013 cho đến nay chưa có giải pháp giải quyết dứt điểm vụ việc. Đồng thời Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 của Công ty TNHH Đ1, nhưng Phòng công chứng lại ghi chứng nhận vào ngày 08/3/2013 là có sai sót về thời gian. Về trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản không đúng theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản (Nghị định 17). Cụ thể:

- Khi nhận tài sản đưa ra bán đấu giá, Công ty TNHH Đ1 không tiến hành kiểm tra thông tin về nguồn gốc, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cấp cho hộ hay cá nhân do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh cung cấp là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ, trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ; Đưa tài sản hộ ra bán đấu giá khi chưa có sự đồng ý của các chủ sở hữu chung theo Điều 456 Bộ luật dân sự năm 2005 là trái quy định của pháp luật.

- Tại Điều 28 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ quy định: “Niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản: Đối với bất động sản, tổ chức bán đấu giá tài sản phải niêm yết việc bán đấu giá tài sản tại nơi bán đấu giá, nơi có bất động sản bán đấu giá và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản bán đấu giá chậm nhất là ba mươi ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Theo hồ sơ thể hiện sau khi ký hợp đồng bán đấu giá lần đầu tiên vào ngày 08/11/2011, lần thứ hai ngày 13/02/2012 và các phụ lục của hợp đồng (ký phụ lục 05 lần) với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Công ty TNHH Đ1 không thực hiện niêm yết thông báo về việc bán đấu giá tài sản tại nơi tổ chức bán đấu giá, nơi có bất động sản và Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ, Công ty TNHH B tiến hành thông báo công khai trên báo Đ2 là không đầy đủ, không đúng quy định của pháp luật.

Đối với lần ký hợp đồng cuối cùng ngày 07/3/2013 Công ty TNHH Đ1 thực hiện thông báo công khai và có niêm yết nhưng không thể hiện cụ thể nơi niêm yết là Ủy ban nhân dân Phường F hay niêm yết tại nơi có bất động sản, tại biên bản niêm yết có xác nhận của chính quyền địa phương. Tại nơi bán đấu giá tài sản không có tài liệu thể hiện có niêm yết.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 48 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 03/4/2010 của Chính phủ quy định:

“1. Kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ trong các trường hợp sau đây:

c) Kết quả bán đấu giá tài sản bị huỷ theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định này”

Tại khoản 3 Điều 56 Nghị định 17 quy định:

“.....

3. Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “hủy kết quả bán đấu giá tài sản” đối với các hành vi vi phạm hành chính “không thực hiện quy định về việc niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23/7/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp”.

Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá theo Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 đối với người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Văn T và Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ. Do chấp nhận yêu cầu của ông S nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Trần Huỳnh Thanh P1 như nhận định nêu trên.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn S2 và ông Nguyễn Trọng T5 là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, trường hợp Hội đồng xét xử hủy Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 đối với người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Văn T và Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T thì Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh tự nguyện đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 290.963.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Vậy tiền lãi được tính như sau: Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày ông T nộp tiền đến ngày 08/4/2025 là ngày xét xử phúc thẩm.

- Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 ông T nộp số tiền 28.000.000 đồng đến ngày 08/4/2025 là 4.306 ngày.

$$28.000.000đ \times 0,83\% \times 4.306 \text{ ngày}/30 = 33.357.200 \text{ đồng};$$

- Phiếu thu ngày 23/4/2013 ông T nộp số tiền 28.000.000 đồng đến ngày 08/4/2025 là 4.305 ngày.

$$28.000.000đ \times 0,83\% \times 4.305 \text{ ngày}/30 = 33.349.400 \text{ đồng};$$

- Phiếu thu ngày 23/4/2013 ông T nộp số tiền 154.000.000 đồng đến ngày 08/4/2025 là 4.305 ngày.

$$154.000.000đ \times 0,83\% \times 4.305 \text{ ngày}/30 = 183.421.700 \text{ đồng};$$

- Phiếu thu ngày 24/4/2013 ông T nộp số tiền 30.000.000 đồng đến ngày 08/4/2025 là 4.304 ngày.

$$30.000.000đ \times 0,83\% \times 4.304 \text{ ngày}/30 = 35.723.200 \text{ đồng};$$

- Phiếu thu ngày 25/4/2013 ông T nộp số tiền 50.963.000 đồng đến ngày 08/4/2025 là 4.303 ngày.

$$50.963.000đ \times 0,83\% \times 4.303 \text{ ngày}/30 = 60.671.200 \text{ đồng};$$

$$\text{Tổng cộng Vốn, lãi: } 637.485.700 \text{ đồng } (290.963.000đ + 346.522.700đ).$$

[3]. Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh về tư

cách tham gia tổ tụng Công ty Đ1 là bị đơn, ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T là bị đơn, Công ty Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không thay đổi về tư cách đương sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị phần này. Xét về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy kết quả bán đấu giá theo Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 đối với người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Văn T và Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T. Như nhận định tại mục [2] của bản án xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận kháng nghị phần này.

[4]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần như đã nhận định nêu trên.

[5]. Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1 và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh nên sửa bản án số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần như đã nhận định nêu trên.

[7]. Do sửa án án dân sự sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1 và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh nên ông D1, bà S1, ông L, ông T4, bà G và anh P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T8 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 08/7/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Huỳnh Thanh P1.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.1. Hủy kết quả bán đấu giá theo Biên bản bán đấu giá tài sản, ngày 22/4/2013 đối với người mua trúng đấu giá là ông Nguyễn Văn T và Hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản số 15/2013/HĐMBTSDG - DPAC ngày 22/4/2013 giữa Công ty TNHH Đ1 với ông Nguyễn Văn T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh S và ông Nguyễn Trọng T5 là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 290.963.000 đồng và lãi 346.522.700 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 637.485.700 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh S, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh không phải nộp tiền án phí, được hoàn trả lại số tiền 300.000

đồng theo Biên lai số 0012034 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Trần Huỳnh Thanh P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Trung D1, Võ Thị Kim S1, ông Trần Thanh L, ông Trần Đình T4, Trần Thị Trúc G, Trần Trần Huỳnh Thanh P1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009973 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KT-TT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi Cục THADS TP Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước

